

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 55 /2023/HS-ST
Ngày 09/5/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng và ông Ma Quốc Thề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/HSST-QĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 đối với:

*** Bị cáo: Thân Văn T.**, sinh ngày 05/11/1991 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Thân Văn T, sinh năm 1965 và bà Đặng Thị Mai L, sinh năm 1968; Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ hai; Vợ là Trần Thị Mai Ph., sinh năm 1998; Con: Có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Đặng Văn Nh., sinh năm 1984, trú tại thôn 2, xã Đ, huyện Y., tỉnh Tuyên Quang. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 3, Trại giam Q, Cục C, Bộ A.

2. Anh Trần Bảo Tr., sinh năm 1988, trú tại thôn 11, xã Đ, huyện Y., tỉnh Tuyên Quang. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 3, Trại giam Q, Cục C, Bộ A.

3. Anh Phạm Ngọc H., sinh năm 1981, trú tại thôn 1, xã Đ, huyện Y., tỉnh Tuyên Quang.

4. Anh Nguyễn Thanh N., sinh năm 1970, trú tại thôn Q, xã Tr, huyện S, tỉnh

Tuyên Quang.

5. Bà Bế Thị V., sinh năm 1969, trú tại thôn Cầu, xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

6. Chị Trần Thị Mai Ph., sinh năm 1998, trú tại Tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 12/2021, bị cáo Thân Văn T. đã cho nhiều người vay tiền để lấy khoản tiền lãi chi tiêu cá nhân với hình thức “Bóc bát họ” (vay tiền sau đó trả lãi và gốc trong một số ngày nhất định) nhằm thu lợi bất chính. T. cho vay bằng tiền mặt hoặc sử dụng tài khoản cá nhân số 1088xxxxxxx mang tên Thân Văn T. mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang để chuyển, nhận tiền cho vay. Trong các lần cho vay, sau khi thu được tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận, T. tiếp tục sử dụng số tiền gốc ban đầu để cho vay các lần kế tiếp, còn tiền lãi T. sử dụng để chi tiêu cá nhân, cụ thể như sau (*Số tiền được làm tròn 1.000 đồng*):

1. Hành vi cho Đặng Văn Nh. vay lãi nặng.

Bị cáo T. cho anh Đặng Văn Nh. vay tiền 12 lần, thời hạn vay 60 ngày/ lần, thu tiền gốc và lãi theo ngày. Nếu vay 20.000.000 đồng/ lần, mỗi ngày Nh. phải trả 400.000 đồng, tổng tiền gốc và lãi phải trả là 24.000.000 đồng. Nếu vay 25.000.000 đồng, mỗi ngày Nh. phải trả 500.000 đồng, tổng tiền gốc và lãi phải trả là 30.000.000 đồng tương đương lãi suất 121,7%/năm, gấp 6,083 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể:

Lần 1: Ngày 25/4/2020, T. cho Nh. vay 20.000.000 đồng. Đến ngày 25/6/2020, Nh. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 24.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 658.000 đồng, T. thu lợi bất chính 3.342.000 đồng.

Lần 2: Ngày 26/6/2020, T. cho Nh. vay 20.000.000 đồng. Đến ngày 22/11/2020, Nh. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 24.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 658.000 đồng, T. thu lợi bất chính 3.342.000 đồng.

Lần 3: Ngày 23/11/2020, T. cho Nh. vay 20.000.000 đồng. Đến ngày 03/12/2020, Nh. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 24.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 658.000 đồng, T. thu lợi bất chính 3.342.000 đồng.

Lần 4: Ngày 04/12/2020, T. cho Nh. vay 25.000.000 đồng. Đến ngày 10/01/2021, Nh. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 30.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 822.000 đồng, T. thu lợi bất chính 4.178.000 đồng.

Lần 5: Ngày 11/01/2021, T. cho Nh. vay 25.000.000 đồng. Đến ngày 24/02/2021, Nh. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 30.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 822.000 đồng, T. thu lợi bất chính 4.178.000 đồng.

Lần 6: Ngày 25/02/2021, T. cho Nh. vay 20.000.000 đồng. Đến ngày 29/3/2021, Nh. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 24.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 658.000 đồng, T. thu lợi bất chính 3.342.000 đồng.

Lần 7: Ngày 30/3/2021, T. cho Nh. vay 20.000.000 đồng. Đến ngày 01/5/2021, Nh. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 24.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 658.000 đồng, T. thu lợi bất chính 3.342.000 đồng.

Lần 8: Ngày 02/5/2021, T. cho Nh. vay 20.000.000 đồng. Đến ngày 31/5/2021, Nh. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 24.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 658.000 đồng, T. thu lợi bất chính 3.342.000 đồng.

Lần 9: Ngày 01/6/2021, T. cho Nh. vay 20.000.000 đồng. Đến ngày 19/7/2021, Nh. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 24.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 658.000 đồng, T. thu lợi bất chính 3.342.000 đồng.

Lần 10: Ngày 20/7/2021, T. cho Nh. vay 20.000.000 đồng. Đến ngày 24/8/2021, Nh. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 24.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 658.000 đồng, T. thu lợi bất chính 3.342.000 đồng.

Lần 11: Ngày 25/8/2021, T. cho Nh. vay 25.000.000 đồng. Đến ngày 24/9/2021, Nh. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 30.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 822.000 đồng, T. thu lợi bất chính 4.178.000 đồng.

Lần 12: Ngày 25/9/2021, T. cho Nh. vay 25.000.000 đồng. Đến ngày 13/12/2021, Nh. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 30.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 822.000 đồng, T. thu lợi bất chính 4.178.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 25/4/2020 đến ngày 13/12/2021, Thân Văn T. đã cho Đặng Văn Nh. vay tiền 12 lần, thời hạn vay 60 ngày/ lần. Nếu vay 20.000.000 đồng/ lần, mỗi ngày anh Nh. phải trả 400.000 đồng, tổng tiền gốc và lãi phải trả là 24.000.000 đồng. Nếu vay 25.000.000 đồng/ lần, mỗi ngày anh Nh. phải trả 500.000 đồng, tổng tiền gốc và lãi phải trả là 30.000.000 đồng. Tương đương lãi suất 121,7%/năm, gấp 6,083 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Thời gian tháng 8/2021 bị cáo T. có mượn tài khoản số 104867386605 của chị Trần Thị Mai Ph. mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang để nhận tiền của anh Nh., chị Phương không biết bị cáo T. mượn số tài khoản của mình sử dụng vào việc gì. Tổng số tiền lãi T. đã thu của anh Nh. là 52.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 8.552.000 đồng, thu lợi bất chính 43.448.000 đồng.

2. Hành vi cho Trần Bảo Tr. vay lãi nặng.

Bị cáo T. cho anh Trần Bảo Tr. vay tiền 03 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng trong thời hạn 40 ngày. T. thu tiền gốc và lãi theo ngày, mỗi ngày Tr. phải trả 150.000 đồng. Tổng tiền gốc và lãi Tr. phải trả cho T. là 6.000.000 đồng, tương đương lãi suất

182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể:

Lần 1: Ngày 20/5/2020, T. cho Tr. vay 5.000.000 đồng. Đến ngày 30/6/2020, Tr. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 6.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 110.000 đồng, T. thu lợi bất chính 890.000 đồng.

Lần 2: Ngày 01/7/2020, T. cho Tr. vay 5.000.000 đồng. Đến ngày 29/7/2020, Tr. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 6.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 110.000 đồng, T. thu lợi bất chính 890.000 đồng.

Lần 3: Ngày 30/7/2020, T. cho Tr. vay 5.000.000 đồng. Đến ngày 26/9/2020, Tr. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 6.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 110.000 đồng, T. thu lợi bất chính 890.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 20/5/2020 đến ngày 26/9/2020, Thân Văn T. đã cho Trần Bảo Tr. vay tiền 03 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày/ lần tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi T. đã thu được là 3.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 330.000 đồng, thu lợi bất chính 2.670.000 đồng.

3. Hành vi cho anh Phạm Ngọc H. vay lãi nặng.

Bị cáo T. cho anh Phạm Ngọc H. vay tiền 05 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng trong thời hạn 40 ngày. T. thu tiền gốc và lãi theo ngày, mỗi ngày anh H. phải trả 300.000 đồng. Tổng tiền gốc và lãi anh H. phải trả cho T. là 12.000.000 đồng, tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể:

Lần 1: Ngày 25/11/2020, T. cho anh H. vay 10.000.000 đồng. Đến ngày 23/01/2021, anh H. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 12.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 219.000 đồng, T. thu lợi bất chính 1.781.000 đồng.

Lần 2: Ngày 24/02/2021, T. cho anh H. vay 10.000.000 đồng. Đến ngày 21/3/2021, anh H. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 12.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 219.000 đồng, T. thu lợi bất chính 1.781.000 đồng.

Lần 3: Ngày 22/3/2021, T. cho anh H. vay 10.000.000 đồng. Đến ngày 18/5/2021, anh H. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 12.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 219.000 đồng, T. thu lợi bất chính 1.781.000 đồng.

Lần 4: Ngày 19/5/2021, T. cho anh H. vay 10.000.000 đồng. Đến ngày 06/7/2021, anh H. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 12.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 219.000 đồng, T. thu lợi bất chính 1.781.000 đồng.

Lần 5: Ngày 07/7/2021, T. cho anh H. vay 10.000.000 đồng. Đến ngày 18/8/2021, anh H. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 12.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 219.000 đồng, T. thu lợi bất chính 1.781.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 25/11/2020 đến ngày 18/8/2021, Thân Văn T. đã cho anh Phạm Ngọc H. vay tiền 05 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày/ lần tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi T. đã thu được là 10.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 1.095.000 đồng, thu lợi bất chính 8.905.000 đồng.

4. Hành vi cho anh Nguyễn Thanh N. vay lãi nặng.

Bị cáo T. cho anh Nguyễn Thanh N. vay tiền 02 lần, mỗi lần 20.000.000 đồng trong thời hạn 60 ngày. T. thu tiền gốc và lãi theo ngày, mỗi ngày anh N. phải trả 400.000 đồng. Tổng tiền gốc và lãi anh N. phải trả cho T. là 24.000.000 đồng, tương đương lãi suất 121,7%/năm, gấp 6,083 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể:

Lần 1: Ngày 18/11/2020, T. cho anh N. vay 20.000.000 đồng. Đến ngày 28/12/2020, anh N. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 24.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 658.000 đồng, T. thu lợi bất chính 3.342.000 đồng.

Lần 2: Ngày 31/12/2020, T. cho anh N. vay 20.000.000 đồng. Đến ngày 08/3/2021, anh N. đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 24.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định là 658.000 đồng, T. thu lợi bất chính 3.342.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 18/11/2020 đến ngày 31/12/2020, Thân Văn T. đã cho anh Nguyễn Thanh N. vay tiền 02 lần, mỗi lần 20.000.000 đồng, thời hạn vay 60 ngày/ lần tương đương lãi suất 121,7%/năm, gấp 6,083 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi T. đã thu được là 8.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 1.316.000 đồng, thu lợi bất chính 6.684.000 đồng.

5. Hành vi cho bà Bé Thị V. vay lãi nặng.

Ngày 29/5/2020, bị cáo T. cho bà Bé Thị V. vay 5.000.000 đồng trong thời hạn 60 ngày. Thỏa thuận thu tiền gốc và lãi theo ngày, mỗi ngày bà Viên phải trả 100.000 đồng. Đến ngày 29/7/2020, bà Viên đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T. là 6.000.000 đồng, tương đương lãi suất 121,7%/năm, gấp 6,083 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Như vậy, tiền lãi theo quy định là 164.000 đồng, T. thu lợi bất chính 836.000 đồng.

Từ nội dung trên, Cáo trạng số 51/CT-VKSSD ngày 31 tháng 3 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Thân Văn T. về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Thân Văn T. phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 - Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Thân Văn T. từ 9 (chín) tháng đến 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Điều 47 - Bộ luật Hình sự; Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: Truy thu của bị cáo để sung quỹ nhà nước số tiền 76.457.000 đồng (trong đó tiền gốc là 65.000.000 đồng, lãi theo quy định là 11.457.000 đồng). Được trừ đi số tiền bị cáo đã tự nguyện giao nộp 10.000.000 đồng, còn truy thu 66.457.000 đồng sung quỹ nhà nước. Trả lại cho bị cáo 02 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung là tài sản của bị cáo nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án. Tuyên bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền lãi do bị cáo thu lợi bất chính theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên quyền kháng cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Thân Văn T. đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo; bị cáo nhất trí tự nguyện trả lại số tiền lãi đã thu cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và không có ý kiến hay khiếu nại gì, nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Khi nói lời sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Thân Văn T. tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh qua lời khai những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 12/2021, bị cáo Thân Văn T. đã có hành vi cho anh Đặng Văn Nh., Trần Bảo Tr., Phạm Ngọc H., Nguyễn Thanh N. và bà Bé Thị V., vay lãi nặng bằng hình thức “Bốc bát họ” (vay tiền sau đó trả lãi và gốc trong một số ngày nhất định) nhằm thu lợi bất chính. Mức lãi suất từ 121,7% đến 182,5%, cao gấp 6,083 lần đến 9,125 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Cụ thể:

- Từ ngày 25/4/2020 đến ngày 13/12/2021 cho Đặng Văn Nh. vay tiền 12 lần, thời hạn vay 60 ngày/ lần. Số tiền gốc bỏ ra là 25.000.000 đồng, tổng số tiền lãi T. đã thu của anh Nh. là 52.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 8.552.000 đồng, thu lợi bất chính 43.448.000 đồng.

- Từ ngày 20/5/2020 đến ngày 26/9/2020, cho Trần Bảo Tr. vay tiền 03 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày/ lần. Số tiền gốc bỏ ra là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi T. đã thu được là 3.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 330.000 đồng, thu lợi bất chính 2.670.000 đồng.

- Từ ngày 25/11/2020 đến ngày 18/8/2021, cho anh Phạm Ngọc H. vay tiền 05 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày/ lần. Số tiền gốc bỏ ra là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi T. đã thu được là 10.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 1.095.000 đồng, thu lợi bất chính 8.905.000 đồng.

- Từ ngày 18/11/2020 đến ngày 31/12/2020, cho anh Nguyễn Thanh N. vay tiền 02 lần, mỗi lần 20.000.000 đồng, thời hạn vay 60 ngày/ lần. Số tiền gốc bỏ ra là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi T. đã thu được là 8.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 1.316.000 đồng, thu lợi bất chính 6.684.000 đồng.

- Ngày 29/5/2020, cho bà Bế Thị V. vay 5.000.000 đồng trong thời hạn 60 ngày. Số tiền gốc bỏ ra là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi T. đã thu được là 1.000.000 đồng, trong đó: tiền lãi theo quy định là 164.000 đồng, thu lợi bất chính 836.000 đồng.

Tổng số tiền gốc bị cáo Thân Văn T. đã sử dụng để cho vay lãi nặng bằng hình thức “Bốc bát họ” là 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu triệu đồng*), đã thu lợi bất chính là 62.543.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, và đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự hưởng lợi 62.543.000 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố bị cáo Thân Văn T. về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 - Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có cơ sở, cần chấp nhận.

[2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Thân Văn T. trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện giao nộp một phần tiền do phạm tội mà có. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng đối với bị cáo;

[3]. Về mức án đối với bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân. Khi phạm tội bị cáo biết rõ hành vi cho vay tiền với lãi suất cao như vậy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật cấm nhưng vì vụ lợi cá nhân vẫn cố tình thực hiện tội phạm. Động cơ phạm tội là vụ lợi nhằm thu lợi bất chính cho bản thân. Do vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

Khi lượng hình HDXX thấy rằng, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, ngoài hành vi phạm tội lần này không có hành vi phạm tội nào khác. Do vậy, cần xem xét áp dụng cho bị cáo để lên mức án cho phù hợp

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản có giá trị nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) và miễn việc khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Dương đã tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng đen, bên trong có 01 sim điện thoại, số seri máy R58M54A6V8P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, số seri R58M35CPVRR của bị cáo T.; đây là tài sản của bị cáo cần tuyên trả lại cho bị cáo nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

Thu giữ số tiền 10.000.000 đồng do bị cáo T. giao nộp, đây là tiền lãi do bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu sung quỹ nhà nước (*Số tiền trên hiện đang tạm gửi tại tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Dương*).

Đối với số tiền gốc và tiền lãi theo quy định, đây là số tiền bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội cần truy thu sung quỹ nhà nước cụ thể: số tiền gốc 65.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định 11.457.000 đồng, tổng cộng 76.457.000 đồng, trừ đi 10.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện giao nộp, còn truy thu 66.457.000 đồng (sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng) sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền lãi vượt quá quy định, tại phiên tòa bị cáo nhất trí hoàn trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, đây là khoản lãi bị cáo thu trái pháp luật, hưởng lợi bất chính nên bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có cơ sở chấp nhận, cụ thể: Bị cáo có nghĩa vụ trả lại anh cho anh Đặng Văn Nh. số tiền 43.448.000 đồng, cho anh Trần Bảo Tr. số tiền 2.670.000 đồng, cho anh Phạm Ngọc H. số tiền 8.905.000 đồng, cho anh Nguyễn Thanh N. số tiền 6.684.000 đồng, cho bà Bé Thị V. số tiền 836.000 đồng.

[6]. Về các vấn đề khác:

Đối với chị Trần Thị Mai Ph. không tham gia, không biết việc bị cáo T. sử dụng tài khoản cá nhân của mình vào việc cho vay lãi, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Thân Văn T. phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 - Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Thân Văn T. phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Xử phạt: Bị cáo Thân Văn T. **09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn được giao giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Giao bị cáo Thân Văn T. cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

2. Căn cứ Điều 47, 48 - Bộ luật Hình sự; Điều 106 - Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 357 - Bộ luật Dân sự.

2.1. Trả lại cho bị cáo 02 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng đen, bên trong có 01 sim điện thoại, số seri máy R58M54A6V8P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, số seri R58M35CPVRR) nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/4/2023 giữa Công an huyện Sơn Dương với Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương).

2.2. Tịch thu của bị cáo Thân Văn T. số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) là tiền lãi theo quy định do phạm tội mà có sung quỹ nhà nước.

(Số tiền trên hiện đang tạm gửi tại tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang).

2.3. Truy thu của bị cáo Thân Văn T. tổng số tiền 66.457.000 đồng (sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng) là khoản tiền gốc dùng làm phương tiện phạm tội và tiền lãi theo quy định do phạm tội mà có sung quỹ nhà nước.

2.4. Bị cáo Thân Văn T. có nghĩa vụ trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền lãi do thu lợi bất chính cụ thể:

- Trả lại cho anh Đặng Văn Nh. số tiền 43.448.000 đồng (bốn mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng),

- Trả lại cho anh Trần Bảo Tr. số tiền 2.670.000 đồng (hai triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng),

- Trả lại cho anh Phạm Ngọc H. số tiền 8.905.000 đồng (tám triệu chín trăm linh lăm nghìn đồng),

- Trả lại cho anh Nguyễn Thanh N. số tiền 6.684.000 đồng (sáu triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng),

- Trả lại cho bà Bé Thị V. số tiền 836.000 đồng (tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo chậm trả tiền thì phải chịu lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Căn cứ vào: Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về án phí: Bị cáo Thân Văn T. phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- VKS ND huyện SD;
- Cơ quan CSĐT CA huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND thị trấn SD;;
- Bị cáo;
- Cơ quan THA HS huyện SD;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến